

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **122/2019/HS-ST**

Ngày: 27-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 143/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 134/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị D, sinh năm 1974, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Sửa quần áo; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953 và bà Huỳnh Kim Đ, sinh năm 1957; chồng: Lê Văn H, sinh năm 1956; con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1994 và nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Các bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1994, tại tỉnh Đồng Tháp.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Sửa quần áo; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974; chồng: Không; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014 và con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Các bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Ông Phạm Trúc P, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1978, cùng địa chỉ: Tổ 9, Khu X, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Người làm chứng: Trần Minh N, sinh năm 1994, địa chỉ: Khu 6, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1978, địa chỉ: Khu X, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai là chị em ruột. Vào khoảng 15 giờ 15 phút ngày 30/6/2019 tại Khu X, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai giữa bị cáo D và bà T xảy ra mâu thuẫn, ẩu đả với nhau. Do tức giận nên bị cáo D đã gọi điện cho bị cáo G (con gái bị cáo D) đến và kể lại việc ẩu đả giữa bị cáo D và bà T. Do cũng có mâu thuẫn từ trước với bà T nên giữa bị cáo G và bà T có xảy ra cãi vã với nhau. Sau đó, bà T vào nhà và đóng cửa lại nên bị cáo G lấy đá ném vào nhà bà T. Lúc này, bị cáo D tự ý lấy 02 cây sắt vuông dài khoảng 40 cm của một người bán ve chai (không rõ họ tên, địa chỉ và không có mặt khi bị cáo D lấy 02 cây sắt) đưa cho bị cáo G và nói đập vào xe mô tô của bà T. Bị cáo G cầm 02 cây sắt đập nhiều cái vào xe mô tô hiệu Attila biển số 55P2 – 9429 của vợ chồng bà T, ông P gây hư hỏng: Bộ đèn pha, mặt dựng, mỏ cày, bàn thờ, bộ cổ, bộ đồng hồ, nắp dưới quai yên, bộ đèn sau, nồi sườn, bộ đèn càng.

Tài sản thiệt hại: Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/KL.HĐĐGTS ngày 28/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tân Phú kết luận: Bộ đèn pha, mặt dựng, mỏ cày, bàn thờ, bộ cổ, bộ đồng hồ, nắp dưới quai yên, bộ đèn sau, nồi sườn, bộ đèn càng xe mô tô hiệu Attila biển số 55P2 – 9429 đã qua sử dụng, trị giá là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số: 130/CT-VKSTP-ĐN ngày 11/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, truy tố các bị cáo về tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Trên cơ sở phân tích dấu hiệu phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị Ngọc G phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Về mức hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Thị D mức hình phạt từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Nguyễn Thị Ngọc G mức 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về vật chứng: 02 cây sắt dài khoảng 04 cm là công cụ sử dụng vào việc phạm tội hiện chưa thu giữ được hiện đang thông báo truy tìm.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho những người bị hại số tiền 3.670.000 đồng và người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nội dung lời khai của những người tham gia tố tụng trong hồ sơ vụ án:

- Lời khai của các bị cáo trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận nội dung của Bản cáo trạng là đúng sự thật; các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Lời khai của người bị hại ông Phạm Trúc P và bà Nguyễn Kim T trình bày: Ông bà là vợ chồng và xe mô tô hiệu Attila biển số 55P2 – 9429 là tài sản chung

của vợ chồng ông bà. Giữa bà T và các bị cáo có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, ẩu đả với nhau. Ngày 30/6/2019, các bị cáo đã dùng 02 cây sắt đập vào xe mô tô của ông bà, chi phí sửa chữa hết 3.670.000 đồng. Hiện các bị cáo đã bồi thường đủ số tiền chi phí sửa chữa xe 3.670.000 đồng nên ông bà không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Lời khai của người làm chứng anh Trần Minh N trình bày: Khoảng 15 giờ, ngày 30/6/2019, anh đang ngồi cùng bị cáo G thì bà D gọi điện cho bị cáo G nói bà T chửi bà D và nói bị cáo G đến Khu X, thị trấn T P, huyện Tân Phú nên anh có chở bị cáo G đến nơi. Khi đến giữa bị cáo G và bà T xảy ra cãi vã với nhau nên bị cáo G lấy 02 cục xi măng nên vào nhà bà T. Lúc đó, bà D đưa cho G 02 cây sắt và nói bị cáo G đập vào xe của bà T nên bị cáo G đập nhiều cái vào xe của ông P và bà T. Sau đó, lên xe và anh chở đi về.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự:

[2.1]. Xét về hành vi phạm tội:

Các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị Ngọc G thừa nhận: Ngày 30/06/2019, tại Khu X, thị trấn T P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, các bị cáo đã dùng 02 cây sắt dài khoảng 40 cm đập nhiều cái vào xe mô tô hiệu Attila biển số 55P2 – 9429 của ông Phạm Trúc P và bà Nguyễn Kim T gây thiệt hại 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi do các bị cáo thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tội danh mà Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó không chỉ trực tiếp xâm phạm tài sản của ông P và bà T được pháp luật bảo vệ, mà còn gây hoang mang trong cộng đồng dân cư và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ở địa phương. Do đó phải xử lý các bị cáo theo pháp luật hình sự là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Cần tuyên mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, răn đe các bị cáo trở thành công dân tốt có ích và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo D là người khởi xướng, cung cấp công cụ cho bị cáo G thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo G là người trực tiếp thực hành. Do đó, bị cáo D phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo G.

[2.3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Không.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã bồi thường thiệt hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Từ nội dung đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức án phù hợp đối với các bị cáo, nhằm nâng cao tính giáo dục và thể hiện sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật.

Tòa án mở phiên tòa xét xử công khai vụ án nhằm xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo và tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3]. Về xử lý vật chứng: 02 cây sắt dài khoảng 04 cm là công cụ sử dụng vào việc phạm tội hiện chưa thu giữ được hiện đang thông báo truy tìm. Khi nào tìm được sẽ xử lý sau

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho những người bị hại số tiền 3.670.000 đồng và người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 178; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015; Áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo D và Điều 35 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo G.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị Ngọc G phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G mức phạt tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 292; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THA; Lưu HS, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA